



ANNUAL REPORT 2009

Mục lục/ Content

1

Giới thiệu VCBS/ VCBS Profile

- Thông tin chung/ Overview
- Các thành tựu nổi bật/ Achievement
- Tầm nhìn/ Vision
- Các dịch vụ chính/ Principal Activities
- Sơ đồ tổ chức/ Organization Chart

4-9

2

Thông điệp/Message

- Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Giám đốc/ Message from Chairman and CEO

11-12

3

Kết quả kinh doanh/ Business Performance 2009

- Tổng quan kinh tế Việt Nam/ Review of Vietnam Economy
- Tổng kết thị trường chứng khoán Việt Nam/ Review of Vietnam stock market
- Kết quả hoạt động kinh doanh của VCBS/ Business Performance

14-16

4

Định hướng hoạt động/ Business Orientation 2010

- Chỉ tiêu kinh doanh chính/ Business targets
- Các định hướng/ 2010 Looking ahead

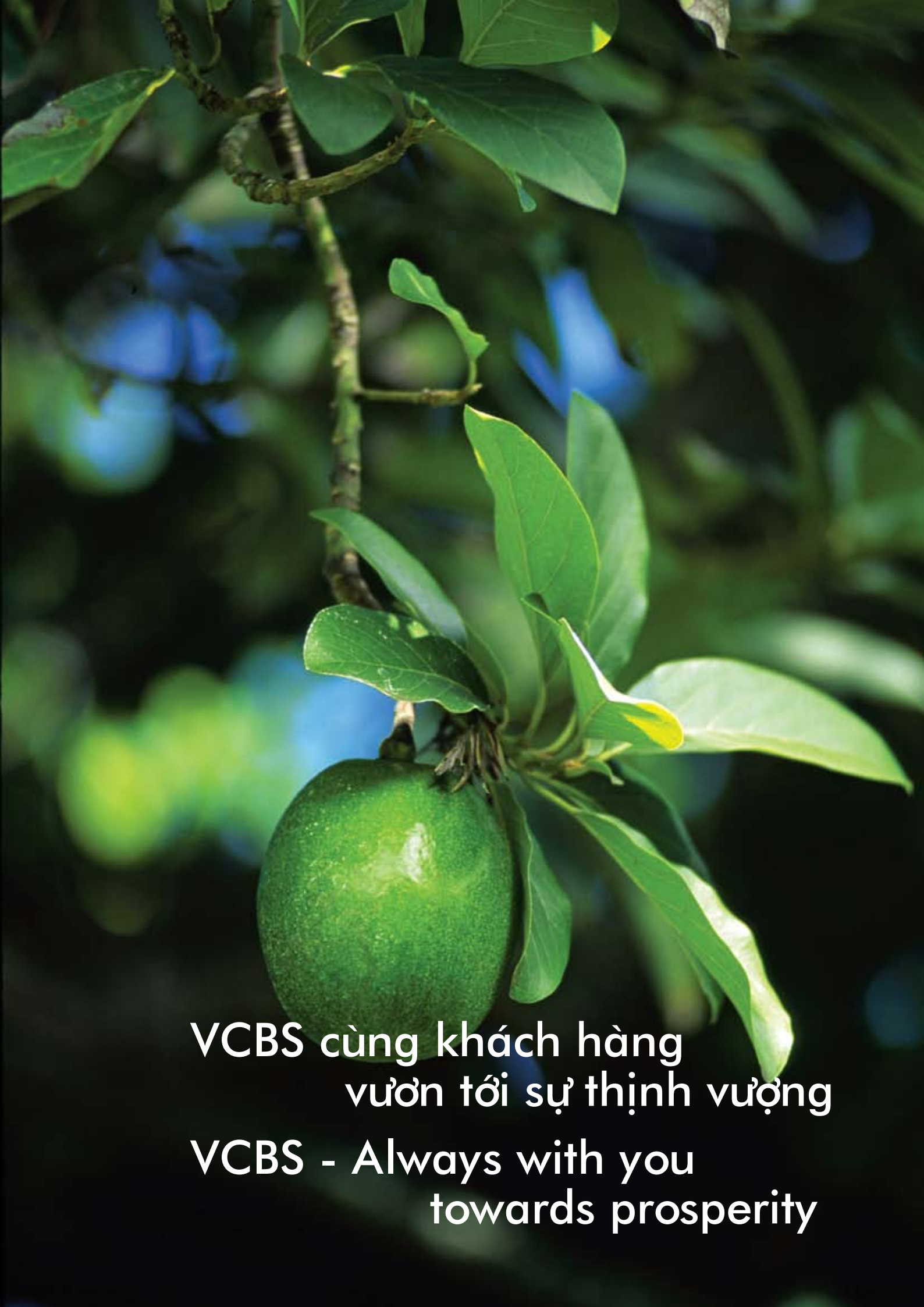
18-19

5

Báo cáo tài chính/ Financial Report 2009

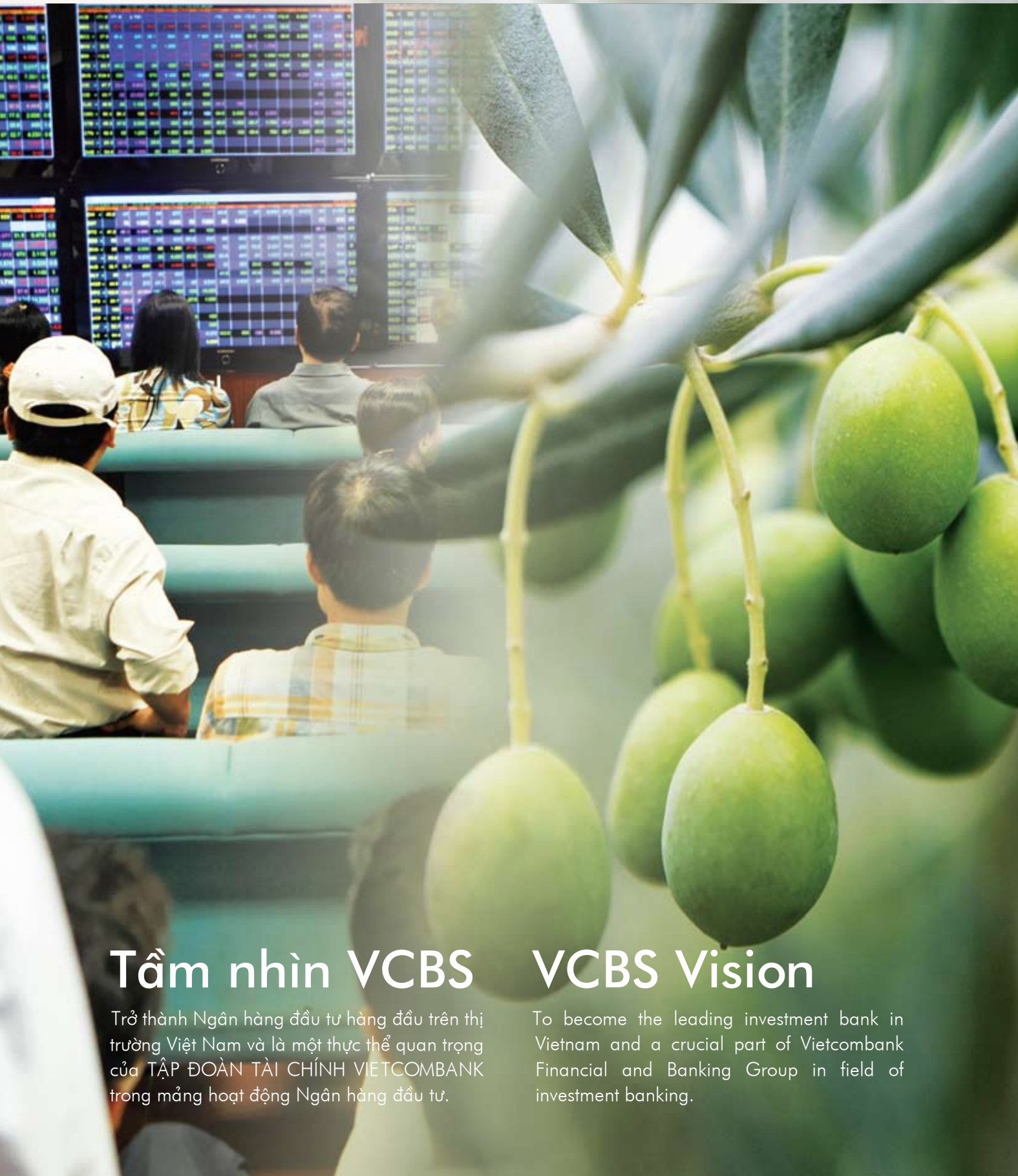
- Báo cáo của Ban Giám Đốc/ Report of Board of Directors
- Báo cáo kiểm toán độc lập/ Independent Auditor's Report
- Bảng cân đối kế toán/ Balance Sheet
- Các chỉ tiêu ngoài bảng/ Off Balance Sheet Items
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ/ Cash Flow Statement

20-38



VCBS cùng khách hàng
vườn tới sự thịnh vượng
VCBS - Always with you
towards prosperity

1 Giới thiệu VCBS/ VCBS Profile



Tầm nhìn VCBS VCBS Vision

Trở thành Ngân hàng đầu tư hàng đầu trên thị trường Việt Nam và là một thực thể quan trọng của TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH VIETCOMBANK trong mảng hoạt động Ngân hàng đầu tư.

To become the leading investment bank in Vietnam and a crucial part of Vietcombank Financial and Banking Group in field of investment banking.

Thông tin về công ty

- **Tên Công ty:** Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- **Tên tiếng Anh:** Vietcombank Securities Co.,Ltd
- **Tên giao dịch viết tắt:** VCBS
- **Ngày thành lập:** 07/01/2001 theo Quyết định số 27/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
- **Vốn điều lệ:** 700.000.000.000 VND (Bảy trăm tỷ đồng)
- **Trụ sở chính :** Tầng 12 & 17 Toà nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- **Điện thoại:** (04) 39366990
- **Fax:** (04) 39360262
- **Email:** headquarter@vcbs.com.vn
- **Website:** www.vcbs.com.vn
- **Ngành nghề hoạt động:** VCBS được phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ chứng khoán và kinh doanh chứng khoán, bao gồm:
 - + Môi giới Chứng khoán;
 - + Tư vấn đầu tư Chứng khoán;
 - + Tự doanh;
 - + Lưu ký Chứng khoán;
 - + Bảo lãnh Phát hành;
 - + Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp.

Các thành tựu nổi bật

- Năm 2003: Là công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán qua mạng Internet với tiện ích Cyber Investor.
- Năm 2003: Là công ty chứng khoán đầu tiên thực hiện thành công hoạt động tư vấn và bảo lãnh phát hành cổ phiếu doanh nghiệp.
- Năm 2002-2009: Dẫn đầu trong lĩnh vực môi giới trái phiếu, bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu địa phương và trái phiếu doanh nghiệp.

Overview

- **Company Name:** Vietcombank Securities Co., Ltd.
- **Abbr:** VCBS
- **Date of establishment:** 07/01/2002 in compliance with Decision 27/27/QĐ-HĐQT of Vietcombank's Chairman.
- **Charter Capital:** VND 700,000,000
- **Head Quarter:** Floor 12&17 Vietcombank Tower, 198 Tran Quang Khai, Hoan Kiem District, Hanoi.
- **Telephone:** (04) 39366990
- **Fax:** (04) 39360262
- **Email:** headquarter@vcbs.com.vn
- **Website:** www.vcbs.com.vn
- **Business:** VCBS is permitted to provide full range of securities services, including:
 - + Brokerage.
 - + Securities Advisory.
 - + Proprietary Trading
 - + Custody.
 - + Underwriting.
 - + Corporate Finance Advisory.

Important achievements

- In 2003: The pioneer in providing Internet trading service with the code name Cyber Investor.
- In 2003: The first securities firm in Vietnam to succeed in the field of IPO advisory and Underwriting.
- In the years 2002-2009: Leader in Bond Brokerage and Underwriting.

Các dịch vụ chính

1 Dịch vụ chứng khoán:

- a. Môi giới chứng khoán:** Với nguyên tắc công bằng, trung thực và tận tụy, VCBS cung cấp Dịch vụ môi giới cho tất cả các khách hàng cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước thông qua các hình thức giao dịch đa dạng thuận tiện, với tốc độ xử lý lệnh nhanh chóng chính xác và an toàn.
- b. Tư vấn đầu tư chứng khoán:** Với phương châm hoạt động “Khách hàng là trọng tâm”, VCBS thấu hiểu và luôn nỗ lực không ngừng để đáp ứng nhu cầu cập nhật thông tin, phục vụ quyết định đầu tư của Khách hàng. VCBS cung cấp tới Khách hàng những thông tin đa dạng bao gồm các bản phân tích thị trường định kỳ, báo cáo chuyên sâu về ngành, công ty, ý kiến tư vấn về chiến lược và kỹ thuật giao dịch.
- c. Lưu ký chứng khoán:** Trên nền công nghệ hiện đại, VCBS đã xây dựng chương trình quản lý sổ cổ đông an toàn, thuận tiện, cho phép quản lý số lượng lớn công ty và cổ đông. Uy tín của VCBS đã được khẳng định thông qua các hợp đồng quản lý sổ cổ đông cho các công ty đại chúng chưa niêm yết với số lượng cổ đông lên tới hàng chục nghìn người. Yếu tố nhân sự cũng đã được VCBS chú trọng nhằm xây dựng một đội ngũ lưu ký chuyên nghiệp, tin cậy, vì quyền lợi khách hàng.

2 Dịch vụ ngân hàng đầu tư:

- a. Tư vấn chuyển đổi doanh nghiệp:** VCBS sẽ hỗ trợ doanh nghiệp tìm ra hình thức hoạt động hiệu quả, phù hợp nhất với yêu cầu phát triển của thị trường. Tùy thuộc yêu cầu của doanh nghiệp, VCBS sẽ tư vấn việc thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, chuyển đổi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành công ty cổ phần, chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại.
- b. Tư vấn tài chính doanh nghiệp:** Ngay từ những ngày đầu thành lập, VCBS đã luôn quan tâm chú trọng đẩy mạnh phát triển các dịch vụ tư vấn tài chính doanh

nh nghiệp, nhằm cung cấp cho khách hàng các gói dịch vụ đa dạng như tư vấn tái cấu trúc vốn, tư vấn quản trị tài chính doanh nghiệp, tư vấn và bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu, và các sản phẩm huy động vốn khác.

- c. Tư vấn niêm yết:** Để đảm bảo doanh nghiệp niêm yết thành công, VCBS đã xây dựng một quy trình niêm yết chuẩn mực với lộ trình cụ thể phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế của từng doanh nghiệp, từ việc khảo sát, đánh giá thực trạng doanh nghiệp, lập hồ sơ xin chấp thuận từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền, lưu ký, niêm yết và hỗ trợ doanh nghiệp sau niêm yết.
- d. Tư vấn mua bán sáp nhập:** Với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm và chuyên nghiệp, VCBS luôn nỗ lực cùng các khách hàng hoàn thiện việc mua bán sáp nhập thành công, hiệu quả và nhanh chóng. Dựa trên nền tảng các dịch vụ sản phẩm đa dạng, VCBS cung cấp cho khách hàng nhiều lựa chọn khác nhau từ tìm kiếm cơ hội đầu tư mua, bán, trợ giúp làm khảo sát đến định giá tài sản, làm thủ tục.
- e. Bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán:** VCBS giúp tổ chức phát hành thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán, nhận mua toàn bộ giá trị chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa phân phối hết. Sử dụng dịch vụ Bảo lãnh Phát hành cũng đồng nghĩa với việc mọi rủi ro liên quan tới đợt phát hành chứng khoán của khách hàng được chuyển giao hoàn toàn cho VCBS.

Song song với dịch vụ Bảo lãnh Phát hành, VCBS còn cung cấp thêm dịch vụ Đại lý Phát hành, tạo sự đa dạng cho khách hàng chọn lựa các hình thức dịch vụ phù hợp. Dịch vụ Đại lý Phát hành là việc VCBS nhận bán chứng khoán cho tổ chức phát hành thông qua mạng lưới của VCBS và VCB.

Principal Activities

1. Securities Services

- a. Brokerage Service:** With the focus on fairness, faith and devotion, VCBS delivers a package of brokerage service to all individual and institutional clients via diversified and convenient trading methods, with fast, accurate and safe order processing technology.
- b. Investment Advisory Service:** With the motto “Client Focus”, VCBS always tries to understand and satisfy our clients’ demand with updated information, for informed decision making. VCBS provides customer with diversified information ranging from periodic market reports, industry reports, and company reports to advise about trading strategies and techniques.
- c. Custody Service:** Based on the modern technology, VCBS has established a favorable and advanced program of shareholder certificate management, which enables VCBS to deal with large number of companies and shareholders. Besides, human resource has also been focused to set up a professional and reliable team of experts in custody field. Thanks to the combination of technology and human factors, many shareholder certificate management contracts has been signed between VCBS and unlisted public companies involving tens of thousands of shareholders, which in turns has confirmed the prestige of VCBS.

2. Investment Banking Activities :

- a. Business Restructuring Consultancy:** VCBS will assist enterprises to find the most effective ways, which are consistent with the development urgency of the market. Depending on business requirements, VCBS will advise the implementation of the equitilization of state-owned enterprises, transformation of FDI enterprises, and conversion of limited liability companies into join stock companies and vice versa.

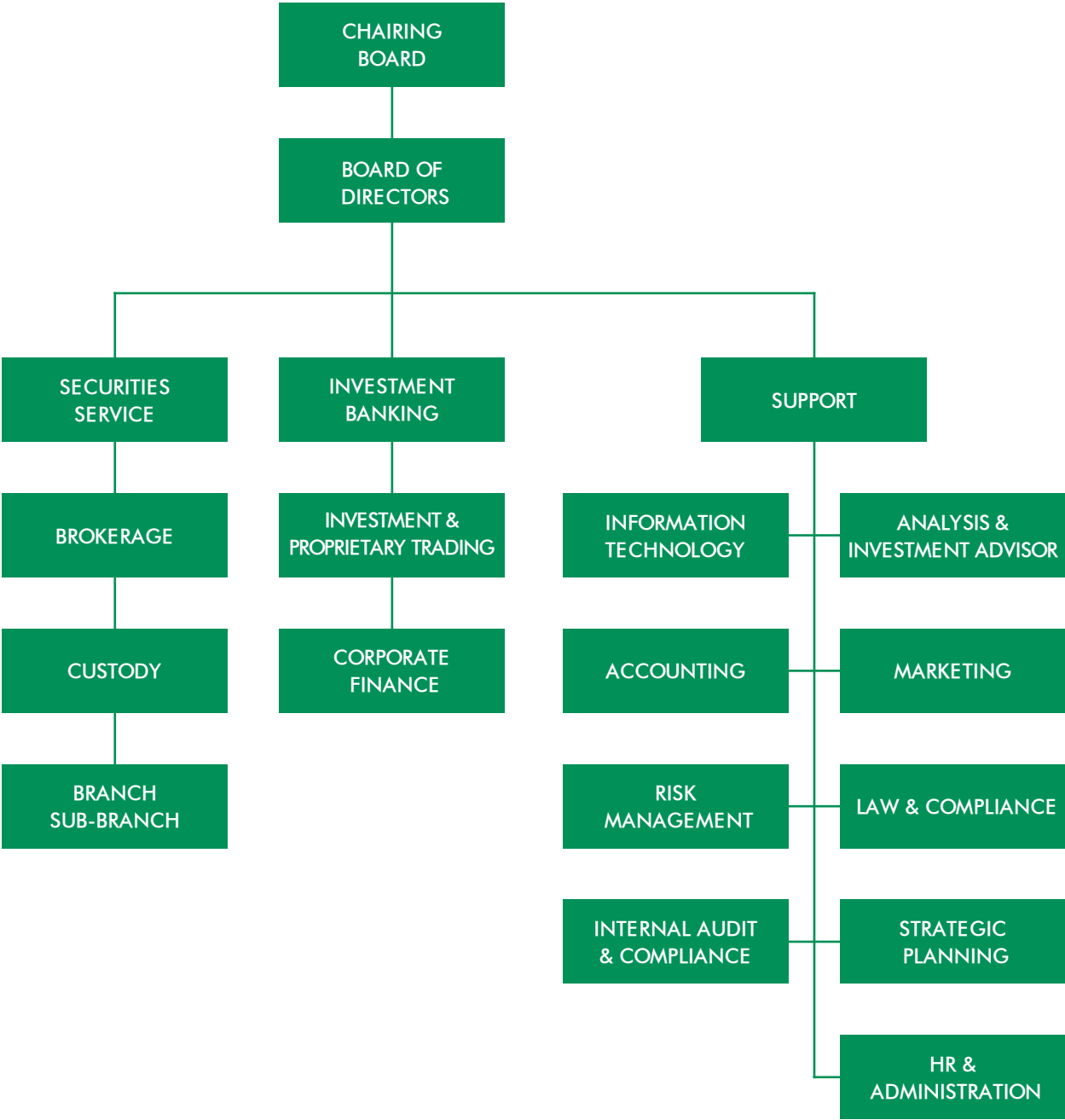
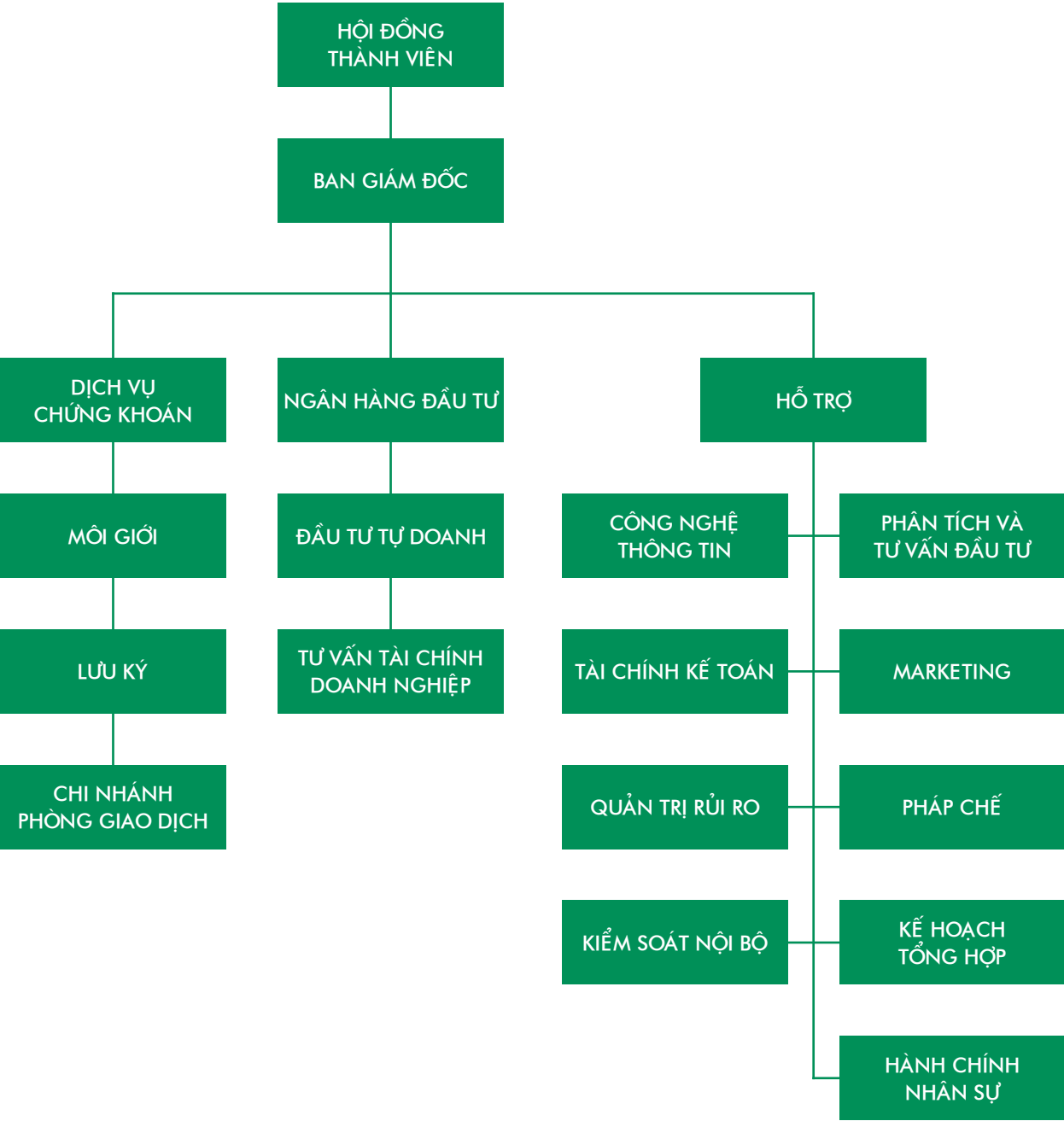
- b. Corporate Finance Advisor:** From its establishment, VCBS has always paid attention to develop services of Corporate Finance Consultancy, in order to offer our customers diversified service package including capital restructuring consultancy, financial management consulting business, consulting and underwriting stocks and bonds, and mobilize other products.

- c. Listing Advisor:** To ensure the success of enterprise listing, VCBS has developed a standard listing process to with specific schedule in accordance with actual circumstances and conditions of each enterprise. This process includes surveying to assess the business performance, filing for approval of authorized state organizations, depository, listing and supporting enterprise after listing.

- d. M&A advisor:** VCBS’s team of experienced professionals always strives to cooperate with the customers to complete the Mergers & Acquisitions contracts successfully, effectively and promptly. Based on the diversified services, VCBS provides customer many different options from looking for investment opportunities, supporting survey for valuation of assets, completing procedures.

- e. IPO advisor and Underwriting:** VCBS help issuers make the procedure before offering securities, buy the entire value of issuing securities to re-sell or buy the remaining volume after underwriting. Underwriting means that all risks related to the issuance of customers are transferred completely to VCBS.

Along with underwriting services, VCBS also provide IPO auction services in order to create diversity for customers to choose the most suitable service. Issuing Agency service means that VCBS will take responsibility to sell issuers’ securities issuers through network of VCBS and VCB.



2 Thông điệp/ Message

VCBS quyết tâm nỗ lực phấn đấu để giành được vị thế cạnh tranh cao trên thị trường, trở thành cánh tay mạnh mẽ của Vietcombank trong hoạt động ngân hàng đầu tư

VCBS endeavours to be the market leader and become the strong arm of Vietcombank in investment banking operations.

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Giám đốc công ty



Mr. Phạm Quang Dũng
Chủ tịch HĐQT/ Chairman

Quý vị thân mến!

Sau những ảnh hưởng lan rộng của cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính toàn cầu năm 2008, diễn biến của thị trường chứng khoán Việt nam trong năm 2009 có nhiều điểm thú vị, đặc biệt là khi nhìn vào sự sụt giảm sâu trong quý I và sự tăng trưởng nhanh trong giai đoạn sau đó của năm 2009 cả về giá trị và khối lượng, đánh dấu bằng tốc độ tăng của VN Index là gần 60% trong cả năm. Diễn biến đó đã tạo ra những thách thức nhưng cũng mang lại nhiều cơ hội cho các Công ty chứng khoán. Sự cạnh tranh trên thị trường diễn ra rất mạnh, thể hiện ở việc các sản phẩm mới, dịch vụ hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư được triển khai rộng rãi, chính sách giá và phí ưu đãi được sử dụng trên diện rộng.

Những khó khăn phát sinh từ năm 2008 đặt ra yêu cầu bắt buộc VCBS tập trung vào cơ cấu lại danh mục đầu tư, nâng cao năng lực quản trị rủi ro. Bên cạnh đó, với hơn 06 năm phát triển nhanh chóng, ngoài những thành tựu, kết quả đạt được thì việc rà soát lại cơ cấu lại quản trị, nâng cao năng lực điều hành, đổi mới hệ thống công nghệ, xây dựng các thể chế cần thiết nhằm tăng cường năng lực và quản trị rủi ro là những yêu cầu rõ ràng đối với VCBS. Với định hướng và các yêu cầu thực tế đó, kết thúc năm 2009, nhờ việc cơ cấu lại danh mục đầu tư đúng hướng trong điều kiện thị trường thuận lợi hơn, VCBS đã đạt được kết quả lợi nhuận cao, bù đắp được toàn bộ phần lỗ lũy kế từ năm 2008 và tạo tiền đề thuận lợi cho năm 2010.

Sang năm 2010, tiến trình phục hồi của nền kinh tế thế giới nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng không thể diễn ra nhanh chóng và Việt nam cũng không phải là một ngoại lệ nên đây chính là thời điểm thích hợp để VCBS tập trung xây dựng nền tảng vững chắc, tạo tiền đề cho việc phát triển hoạt động kinh doanh mạnh mẽ trong thời gian tới. Mục tiêu đầu tiên là tăng cường và khuyến khích mạnh mẽ hơn nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các bộ phận kinh doanh để duy trì động lực và thúc đẩy sáng tạo. Triển khai xây dựng cơ cấu quản trị và áp dụng các phương thức quản lý tiên tiến hơn nhằm tăng khả năng đáp ứng yêu cầu linh hoạt trong kinh doanh, đồng thời đảm bảo quản trị rủi ro trong hoạt động. Phát triển nhiều sản phẩm có khả năng cạnh tranh để phục vụ yêu cầu của khách hàng. Nền tảng công nghệ mới được xây dựng và đưa vào vận hành để đáp ứng khả năng phát triển sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng với tầm nhìn dài hạn, đồng thời cung cấp các công cụ hiệu quả phục vụ công tác quản lý, điều hành. Đẩy mạnh sự phối hợp chặt chẽ hơn với Vietcombank nhằm phục vụ tốt hơn cơ sở khách hàng chung của Vietcombank, trong đó đặc biệt là nhóm khách hàng tổ chức. Xuất phát từ nhu cầu lớn hơn về nguồn lực tài chính cũng như yêu cầu thiết lập cơ cấu quản trị có khả năng đáp ứng thay đổi mạnh của thị trường, VCBS cũng sẽ chuẩn bị các bước đi để thực hiện thay đổi cơ cấu sở hữu - quản trị theo định hướng chung của Vietcombank.

Nhiệm vụ và mục tiêu có nhiều thách thức, nhưng Hội đồng thành viên và Ban giám đốc cùng tập thể đội ngũ cán bộ gần gũi, có trình độ của VCBS quyết tâm nỗ lực phấn đấu để giành được vị thế cạnh tranh cao trên thị trường, trở thành cánh tay mạnh mẽ của Vietcombank trong hoạt động ngân hàng đầu tư.

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Giám đốc Công ty

Phạm Quang Dũng

Ngô Quang Trung

Message from Chairman and CEO



Mr. Ngô Quang Trung
Giám Đốc/ CEO

As influenced by the global economic and financial crisis in 2008, Vietnamese stock exchanges 2009, experienced exciting movements, especially when it plunged in the first quarter before bottoming out and recovering in terms of both volumes and values in the remaining part of the year. Such sharp movements created both opportunities and challenges for the securities firms. Competition has become fiercer with more players, new products, financial supports to leverage their traders, and lower trading fees, etc.

Given difficulties experienced in 2008, VCBS has no other alternative than restructuring our portfolios and improving our risk management capability. In addition, with over 6 years of rapid development, a part from our achievements, it was desirable that VCBS should review our management mechanism, improve our management, upgrade our technological system and develop necessary mechanisms to improve risk management capability. With such requirements, VCBS properly restructured portfolio in a more favorable environment and thus recorded a large profit in 2009, which was sufficient to cover the losses in 2008 and lay a good foundation for 2010.

In 2010, the recovery of the world economy in general and stock markets in particular will follow a long and winding road, and Vietnam is not an exception. Therefore, it is time for VCBS to develop a solid foundation for rapid extension in the years to come. Our first priority is to invest further in high-quality staff and provide greater incentives for staff to promote originality and innovations. In addition, VCBS also has also developed a new management structure and adopted advanced management practices to be more responsive to business demands while putting business risks under control. Besides, new competitive products have also been developed to better meet clients' needs. Furthermore, a new technological system has adopted to enable VCBS to develop new products and services for visionary clients, while providing effective tools for better management. Moreover, VCBS will strengthen the cooperation with Vietcombank in order to better serve our common client base, especially institutional clients. Finally, given our need for greater financial capacity and for a management structure which is more responsive to fast changes in the market, VCBS will also take necessary preparatory steps to change the ownership and management structures in line with those of Vietcombank.

Although it is a great challenge to accomplish our missions and attain our objectives, the Board of Members and the Management together with our loyal and knowledgeable staff will endeavour to gain a highly competitive position in the market and become the strong arm of Vietcombank in investment banking operations.

Chairman

Phạm Quang Dũng

Chief Executive Officer

Ngô Quang Trung

3 Kết quả Kinh doanh 2009/ VCBS Business Performance in 2009

GDP kinh tế Việt
Nam tăng trưởng
so với năm 2008

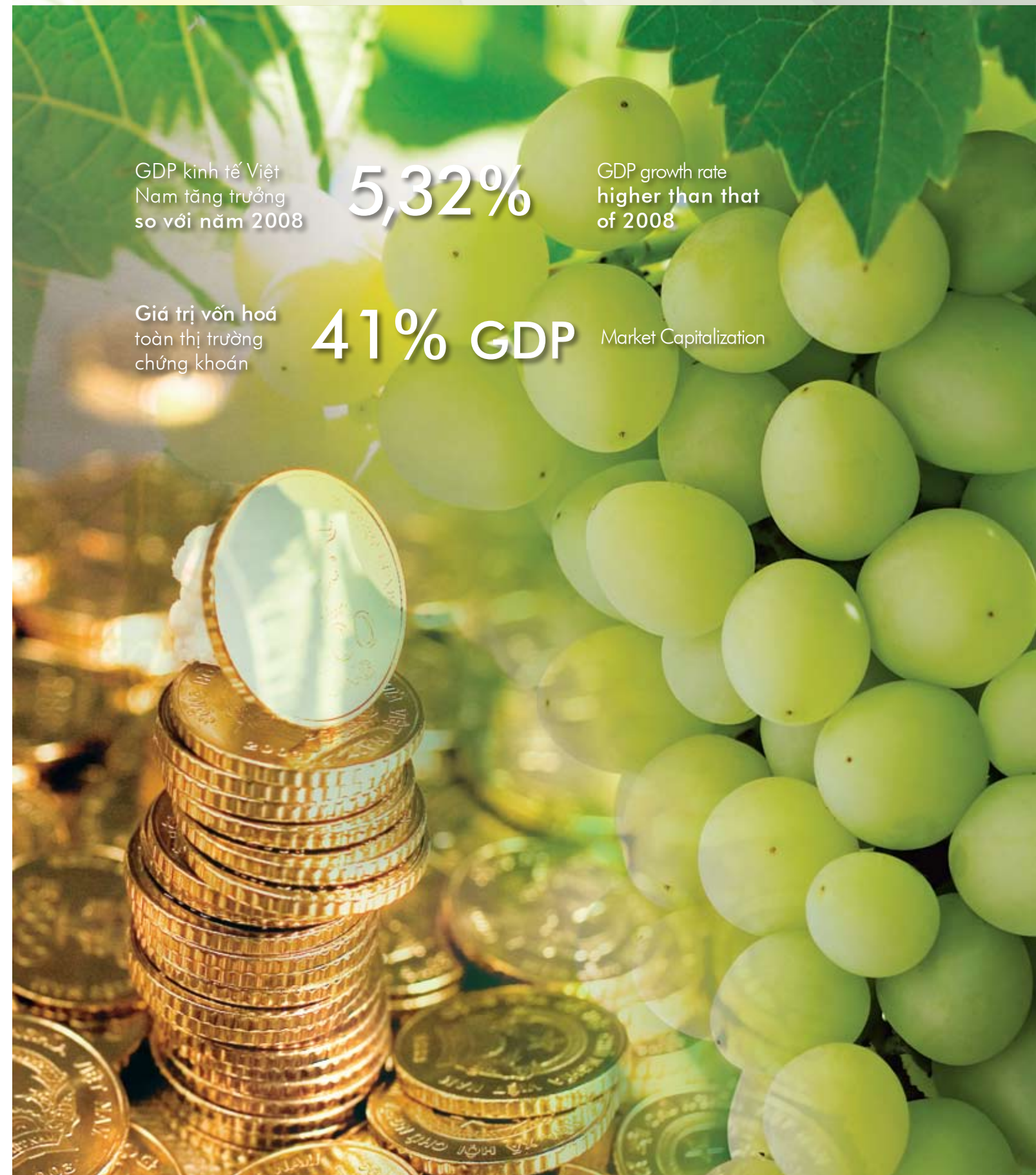
5,32%

GDP growth rate
higher than that
of 2008

Giá trị vốn hoá
toàn thị trường
chứng khoán

41% GDP

Market Capitalization



Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2009

- Với đặc thù là nền kinh tế có độ mở lớn với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu chiếm xấp xỉ 150% GDP, Việt Nam đã đối mặt với những ảnh hưởng nặng nề từ cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu khi xuất khẩu và hoạt động sản xuất thực tế sụt giảm khiến tăng trưởng GDP quý I/2009 chỉ tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước (mức tăng trưởng theo quý thấp nhất kể từ năm 2000 trở lại đây). Tuy nhiên nhờ tác động của gói kích cầu đồng bộ khoảng 8 tỷ USD (bao gồm hỗ trợ lãi suất, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và xuất nhập khẩu, đẩy mạnh hoạt động đầu tư công, kích cầu tiêu dùng nội địa,) và chính sách tiền tệ nới lỏng, cũng như những diễn biến khả quan hơn từ các nền kinh tế lớn trên thế giới, kinh tế Việt Nam đã bắt đầu hồi phục dần trở lại từ quý II/2009. Kết thúc năm, tăng trưởng GDP toàn nền kinh tế đạt 5,32% so với năm 2008, vượt mức tăng trưởng mục tiêu 5% mà Chính phủ đặt ra đầu năm và vượt xa so với mức dự báo đưa ra hồi đầu năm của một số tổ chức quốc tế uy tín (IMF là 4,75%, Deutsche Bank là 4%, BMI là 2,9%). Đồng thời lạm phát cũng được khống chế thành công ở mức dưới 7% khi chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2009 chỉ tăng 6,88% so với năm 2008.
- Bên cạnh những thành công đạt được, kinh tế Việt Nam vẫn còn một số vấn đề đáng quan tâm khi tài khoản vãng lai thâm hụt 7 tỷ USD, tương đương với 7,6% GDP, thâm hụt ngân sách lên tới 87,3 nghìn tỷ đồng, tăng 30,5% so với mức thâm hụt năm 2008 và tương ứng với 5,3% GDP và nợ công tăng lên mức 41,9% GDP cao hơn mức 28,2% theo số liệu ước tính trong năm 2008, tính đến cuối năm 2009.
- Như vậy có thể thấy kinh tế Việt Nam đã có sự phục hồi ấn tượng nhưng vẫn còn đó những vấn đề cần phải giải quyết...

Overview of Vietnamese economy in 2009

- Being a relatively open economy, with total import-export accounting for approximately 150% GDP, Vietnam could not avoid the severe impacts brought by the global financial crisis and economic downturn. Exports and productions slumped, reducing GDP growth rate of QI/2009 to 3.1% (which is also the lowest quarterly growth rate since 2000). However, the eight-billion USD stimulus package (including interest rate subsidy, corporate income tax deferment and import-export incentives, increased public investments, domestic consumption stimulus, etc.) and the expansionary monetary policy, as well the recoveries of leading economies in the world helped the Vietnamese economy start to recover from QII/2009. At the end of the year, GDP growth rate reached 5.32%, overtaking the target of 5% set by the Government at the beginning of the year, and even surpassing forecasts of prestigious foreign institutions (such as IMF at 4.75%, Deutsche Bank at 4%, BMI at 2.9%). Inflation was successfully curbed to stay at 7% while the average CPI of 2009 was only 6.88% higher than that of 2008.
- However, beside those achievements, there remained some concerns over health of the economy such as the 7 billion USD deficit of the current account and the budget deficit of 87.3 trillion VND which is 30.5% higher than that of 2008 and accounted for 5.3% GDP. Public debt soared to 41.9% GDP, which is 28.2% higher than the estimate in 2008.
- Thus, Vietnamese economy has embarked on the impressive recovery track, but problems remain to be resolved.

Tổng kết thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2009

- Năm 2009, thị trường chứng khoán đã gặt hái được một số thành công ngoài dự kiến. Trong quý I, giữa lúc các dự báo về tình hình vĩ mô trong nước và thế giới còn đang rất u ám, thị trường chứng khoán Việt Nam sau khi chạm đáy vào tháng 3 đã bất ngờ hồi phục nhanh chóng. Sự phục hồi ấn tượng của thị trường chứng khoán phản ánh xu hướng tích cực trở lại của nền kinh tế, nhờ có những thay đổi kịp thời trong hoạt động điều hành vĩ mô của Chính phủ. Chính sách tiền tệ nới lỏng, cùng gói hỗ trợ lãi suất 4% đối với các doanh nghiệp không chỉ có tác dụng ngăn chặn đà suy thoái, kích thích hoạt động kinh tế mà còn giúp khơi thông dòng tiền vào thị trường chứng khoán. Trong năm 2009, Vn-Index đã tăng 169% và thiết lập đỉnh 625,02 điểm vào tháng 10 trước khi điều chỉnh giảm về 494,7 điểm vào cuối năm, kết thúc năm 2009 đạt mức tăng trưởng 58%. Đi cùng với sự hồi phục về điểm số, thị trường ghi nhận những kỷ lục mới về thanh khoản với những phiên giao dịch có giá trị lên tới 8.000 tỷ đồng trên cả hai sàn. Tuy nhiên, chính sách chuyển hướng sang thắt chặt tiền tệ vào hai tháng cuối năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước cùng với việc các công ty chứng khoán hạn chế dịch vụ cho vay cầm cố đã khiến thị trường rơi vào trầm lắng trong hai tháng này.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 của VCBS

- Năm 2009, sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường chứng khoán đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán trong đó có VCBS. Năm 2009, lợi nhuận sau thuế của VCBS đạt 330 tỷ đồng. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (không bao gồm hoàn nhập dự phòng) đạt 166 tỷ đồng. Đây là kết quả kinh doanh đáng khích lệ của công ty, sau khi đã trải qua một năm 2008 đầy khó khăn và tạo tiền đề thuận lợi cho hoạt động kinh doanh năm 2010.

Overview of the stock market in 2009

- 2009 was a successful year for Vietnam's stock market beyond any expectations. During QI/2009, while forecasts of a negative outlook for both the global and domestic economy were prevalent, the stock market unexpectedly rebounded after hitting the trough. An impressive recovery that followed reflected the return of positive economic trends, thanks to immediate changes in macroeconomic policies by the Government. An expansionary policy, including the package of 4% interest rate subsidy not only curbed the downturn and promoted economic activities but also helped channel the capital flow into the stock market. Easy financial support, by the securities firms, also contributed significantly to the impressive recovery of the stock indices and boosted market liquidity. In 2009, Vn-Index grew by 169% and made a peak of 625.02 in October before retraced to 494.7 at year end, recoding an annual growth rate of 58%. Along with the index recovery, new records of liquidity were created as trading value of some sessions soared to more than 8 trillion VND on both exchanges. That the State Bank of Vietnam shifted to the tightening monetary policy for the rest of the year, and contraction of collateral services by the securities firms are the major reasons why the market returned to a gloomy stage during the last two months.

Results of business activities in 2009 of VCBS

- In 2009, the growth of the stock market has created favorable conditions for business activities of securities companies. VCBS's profit after tax in 2009 reached 330 billion VND. Profit from operations (excluding the Provisions reverse) reached 166 billion VND. This result is very encouraging to the company, after experiencing a difficult 2008 and to create favorable premise for business in 2010.

4 Định hướng hoạt động Kinh doanh 2010/ Orientation of business activities in 2010

- **Hoạt động Môi giới:** Năm 2009 cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán trong việc mở rộng thị phần ngày càng gay gắt. Tuy nhiên, VCBS vẫn giữ vững và mở rộng cơ sở khách hàng. Tính đến hết năm 2009, số lượng tài khoản giao dịch mở tại VCBS đạt hơn 53.000 tài khoản, chiếm khoảng 6% tổng số tài khoản của thị trường. Hoạt động môi giới Trái phiếu vẫn giữ vững vị trí dẫn đầu thị trường với thị phần môi giới trái phiếu đạt khoảng 28%. Doanh thu phí môi giới của VCBS năm 2009 đạt 117 tỷ đồng, tăng 34% so với năm 2008, trong đó doanh thu từ môi giới cổ phiếu tăng mạnh.
- **Hoạt động Đầu tư Tự doanh:** Năm 2009 hoạt động đầu tư của VCBS tập trung chủ yếu vào việc cơ cấu lại danh mục đầu tư và tham gia thị trường một cách thận trọng. Doanh thu hoạt động tự doanh năm 2009 của VCBS đạt 200 tỷ đồng, chênh lệch doanh thu chi phí của hoạt động tự doanh đạt 132 tỷ đồng, hoàn nhập dự phòng 163 tỷ đồng.
- **Hoạt động Công nghệ Thông tin:** VCBS luôn nhận thức hệ thống công nghệ hiện đại là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của công ty chứng khoán. Năm 2009, VCBS đã thực hiện kết nối giao dịch trực tuyến với Sở Giao dịch Hồ Chí Minh (HSX) với năng lực xử lý hơn 600 lệnh/1 giây, đảm bảo hoạt động giao dịch của khách hàng thông suốt, nhanh chóng và chuẩn xác. Tháng 2 năm 2010 VCBS tiếp tục thực hiện kết nối giao dịch trực tuyến với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).
- **Brokerage:** In 2009, the competition among securities companies in expanding market share is very severe. In the fiercely competitive environment, VCBS still maintaining and expanding customer base. By the end of 2009, with total of more than 53,000 VCBS accounts, representing about 6% of the total market account. Bond brokerage activities remained the leading market position with market share broker bonds reached about 28%. Total Brokerage Revenue of VCBS in 2009 reached 117 billion VND, up 34% compared to 2008, in which revenue from brokerage stocks soared.
- **Investment & Proprietary trading:** In 2009, Proprietary trading activities mainly focus on divestments and trading in market carefully. With proprietary trading, in 2009 the company had made divestments for long term portfolio and trading in short-term to take profit. As a result, the gross revenue investment and trading reach 200 billion VND, the net revenue and cost of investment and & proprietary trading reached 132 billion VND, and Provision reverses reached 163 billion VND.
- **Information Technology:** The company is always aware that technology is one of the competitive advantages of companies. In 2009, VCBS conducted online transactions connected with Ho Chi Minh Stock Exchange (HSX) with a capacity of 600 orders per second, ensuring that trading activity of customers seamless, fast and precise. In February, 2010 the company also had made the connection with online transactions with the Hanoi Stock Exchange (HNX).

Một trong 5
công ty chứng khoán
dẫn đầu về thị phần

2010-2012

The company will set
the orientation return to
the top five in markets

- Năm 2010, nền kinh tế vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức, kiềm chế lạm phát, thâm hụt thương mại và duy trì sự ổn định của nền kinh tế sẽ là mục tiêu xuyên suốt cho năm 2010. Năm 2010, thị trường chứng khoán sẽ có thể có những thay đổi về cơ chế giao dịch, thanh toán, các sản phẩm dịch vụ mới cũng được thể chế hoá và đưa vào áp dụng, số lượng hàng hoá sẽ đa dạng và nhiều hơn (do các quy định bắt buộc về việc đăng ký lưu ký của các công ty đại chúng). Những yếu tố này sẽ làm tăng tính thanh khoản và qui mô của thị trường, tăng trưởng về giá trị giao dịch được dự báo từ 30%-40% so với năm 2009.
- Năm 2010, VCBS xác định là một năm quan trọng trong lộ trình phát triển của Công ty. Mục tiêu năm 2010 của VCBS là củng cố và đẩy mạnh phát triển sản phẩm, mạng lưới trên nền tảng hệ thống công nghệ giao dịch hiện đại và là một trong 5 công ty chứng khoán dẫn đầu về thị phần giai đoạn 2010-2012.
- In 2010, the economic environment will be determined as more favorable in 2009 with macroeconomic stability over growth. In 2010, the stock market will have a positive change as promulgating regulations on margin trading, increases the number of stocks on the market, HNX conducting online transactions will increase market liquidity and the volume of daily trading on the market. The market will grow and we expect that the daily transaction value will increase from 30% -40% compared to 2009.
- In 2010, VCBS identify this year as an important year in the process of development. The company set a target in 2010 is to consolidate and accelerate products development in order to create the prerequisites for higher growth in subsequent years. The company will set the orientation return to the top five in markets in the period from 2010 to 2012.

Các chỉ tiêu kinh doanh chính của công ty

Tổng doanh thu **477** tỷ đồng
 Lợi nhuận sau thuế **125** tỷ đồng
 ROE **15%**

The targets of the company's business

Total turnover **477** billion VND
 Profit after tax **125** billion VND
 ROE **15%**

Các định hướng năm 2010

- Kế hoạch đổi mới công nghệ:** Xác định công nghệ là một thế mạnh trong hoạt động công ty, năm 2010, VCBS sẽ tập trung triển khai thành công hệ thống phần mềm công nghệ mới, tạo điều kiện nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng và hoạt động quản trị của công ty.
- Kế hoạch phát triển mạng lưới:** Việc phát triển mạng lưới và mở rộng các kênh phân phối có vai trò quan trọng trong việc đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh của công ty. Vì vậy, năm 2010, VCBS sẽ mở rộng các kênh phân phối thông qua việc phát triển mạng lưới chi nhánh, Phòng Giao dịch và chuyển đổi các Đại lý nhận lệnh tại địa bàn các tỉnh, thành phố lớn.

2010 Looking ahead

- Technology Innovation Plan:** Identify technological innovation is a technological advantage in the operation of the company, in 2010, VCBS will focus resources to implement successfully the conversion of software technologies, facilitate the enhancement of quality of customer service and the management of the company.
- Network Development Plan:** Determine the network development and expansions of distribution channels have an important role in promoting business activities of the company. Thus in 2010, the company will expand distribution channels through opening new Branches, Transaction Departments and as well as convert receive orders agents into Departments, Representative Offices.

Các hoạt động kinh doanh

- Môi giới:**
 - Năm 2010, công ty đặt mục tiêu đối với hoạt động môi giới là giữ vững và củng cố cơ sở khách hàng hiện có, đồng thời thông qua việc mở rộng mạng lưới nhằm phát triển các khách hàng mới tại những địa bàn kinh tế trọng điểm. Để đạt được mục tiêu này công ty cần phải nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng thông qua các giải pháp chính: (1) Phát triển hệ thống công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; (2) Tăng cường cung ứng các sản phẩm, dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng, đa dạng hoá sản phẩm, phương thức giao dịch trên nền tảng công nghệ hiện đại;
- Đầu tư - Tự doanh:**
 - Đẩy mạnh hoạt động tự doanh so với 2009 trên cơ sở thiết lập các cơ chế quản trị, điều hành khoa học, hiệu quả;
 - Đẩy mạnh hoạt động trên thị trường trái phiếu, nhằm duy trì vị thế VCBS đối với hoạt động này;
 - Tăng cường hoạt động kinh doanh vốn và các sản phẩm phái sinh nhằm đem lại nguồn doanh thu ổn định cho công ty.
- Tư vấn tài chính:**
 - Tiếp tục tìm kiếm, mở rộng và phát triển cơ sở khách hàng;
 - Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn, tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác có uy tín trên thị trường tài chính trong và ngoài nước.

Business Activities

- Brokerage:**
 - In 2010, the company aims for brokerage activities is to maintain and strengthen existing customer base, and through expanding the network to develop customer in the key economic areas. With the competitive environment, increased severity, company aims to maintain market share brokerage. In order to get the target, VCBS need to improve the quality of services provided to customers through solutions of: (1) Development of technology system to improve the quality of products and services; (2) Strengthening the supply of financial products to customers, diversifying products based on technology investment.
- Investment & Proprietary- trading:**
 - Promote Proprietary-trading on the basis of establishing a scientific and efficient mechanism of governance and administration;
 - Actively participate in the bond market, in order to maintain the position of VCBS fixed income market;
 - Strengthen activities in treasury business and derivatives to provide a stable source of revenue in the year for the company.
- Financial Consultancy:**
 - Continue to expand customer base;
 - Continue to develop and improve the quality of counseling services through increased quality of human resources and strengthen partnerships with our respected author on financial markets.

Tăng trưởng về giá trị giao dịch được dự báo so với năm 2009 là

30-40%

Daily transaction value will increase compared to 2009.

5 Báo cáo Tài chính năm 2009/ Financial Reports 2009

Báo cáo của Ban Giám Đốc

- Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

- Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ("Công ty") là công ty con 100% sở hữu của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104000069 ngày 24 tháng 4 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi vào ngày 13 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Ngày 2 tháng 6 năm 2008, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam đã chuyển đổi hình thức sở hữu từ ngân hàng thương mại nhà nước thành ngân hàng thương mại cổ phần và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam cũng đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Tiếp theo sự thay đổi này, Công ty cũng được đổi tên thành Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 24 tháng 4 năm 2002 là 60 tỷ đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép kinh doanh điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tổng vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000 nghìn đồng Việt Nam (năm 2008: 512.400.000 nghìn đồng Việt Nam).
- Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Công ty có trụ sở chính tại Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank, số 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Công ty có 01 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và 01 chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty là 324.451.124 nghìn đồng Việt Nam (năm 2008: lỗ thuần sau thuế cho là 270.948.926 nghìn đồng Việt Nam).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

- Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Report of Board of Director

- The Board of Management of Vietcombank Securities Company Limited ("the Company") presents this report and the Company's financial statements for the year ended 31 December 2009.

THE COMPANY

- Initially, Vietcombank Securities Company Limited ("the Company") is a wholly-owned subsidiary of the Bank for Foreign Trade of Vietnam. The Company was established under Operating License No. 0104000069 dated 24 April 2002 and Amended Operating License dated 13 December 2006 issued by Hanoi Department of Planning and Investment. On 2 June 2008, the Bank for Foreign Trade of Vietnam transformed its ownership from a state-owned commercial bank to a joint stock commercial bank and its official name was changed to Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ("Vietcombank") so that the name of the Company was changed accordingly.
- According to the Operating License No. 0104000069 dated 24 April 2002 issued by Hanoi Department of Planning and Investment, the Company's charter capital was 60,000,000 thousand VND. Subsequently, the charter capital has been increased over years in accordance with Amended Operating Licenses.
- As at 31 December 2009, the Company's outstanding charter capital is 700,000,000 thousand VND (2008: 512,400,000 thousand VND).
- The principle activities of the Company are to provide brokerage service, proprietary trading, finance and securities investment advisory service, custody service, and security issuance underwriting.
- The Company's Head Office is located at 17th Floor, Vietcombank Tower, 198 Tran Quang Khai Street, Ly Thai To Precinct, Hoan Kiem District, Hanoi. The Company has one (01) branch in Ho Chi Minh city and one (01) branch in Da Nang.

OPERATION RESULTS

- The Company's profit after-tax for financial year ended 31 December 2009 was 327,141,867 thousand VND (After-tax loss for the financial year ended 31 December 2008 was 270,948,926 thousand VND).

EVENTS SINCE THE BALANCE SHEET DATE

- There have been no significant events occurring after the balance sheet date which would require adjustments or disclosures to be made in the financial statements.

Vốn điều lệ ban đầu là (tỷ đồng)

60

The Company's charter capital was (billion VND)

Năm 2009 VCBS tăng vốn điều lệ (tỷ đồng)

700

As at 31 December 2009, the Company's outstanding charter capital is (billion VND)

Ban giám đốc

- Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:
- Ông **Ngô Quang Trung** - Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2009)
 - Bà **Nguyễn Thị Bích Liên** - Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 7 tháng 1 năm 2002, tái bổ nhiệm lại ngày 24 tháng 5 năm 2000, miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2009)
 - Ông **Mai Trung Dũng** - Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2007)
 - Ông **Lê Việt Hà** - Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2007)
 - Ông **Nguyễn Trường Xuân** - Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2007)
 - Ông **Trần Việt Anh** - Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2009)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc:
 - Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
 - Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
 - Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
 - Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.
- Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Board of management

- Members of Board of Management during the year 2009 and at the date of this report are:
- Mr. **Ngô Quang Trung** - Director (Appointed on 1 July 2009)
 - Ms. **Nguyen Thi Bích Lien** - Director (Appointed on 7 January 2002, reappointed on 24 May 2009, resigned on 1 July 2009)
 - Mr. **Mai Trung Dũng** - Deputy Director (Appointed on 15 July 2007)
 - Mr. **Le Viet Ha** - Deputy Director (Appointed on 15 July 2007)
 - Mr. **Nguyen Truong Xuan** - Deputy Director (Appointed on 15 July 2007)
 - Mr. **Tran Viet Anh** - Deputy Director (Appointed on 01 August 2009)

STATEMENTS OF BOARD OF MANAGEMENT’S RESPONSIBILITIES WITH RESPECT TO THE FINANCIAL STATEMENTS

- The Board of Management is responsible for ensuring that the financial statements for each financial period give a true and fair view of the state of affairs of the Company and of its results and cash flows for the period. In preparing those financial statements, the Board of Management is required to:
 - Select the suitable accounting policies and apply them consistently;
 - Make judgments and estimates reasonably and prudently;
 - State clearly whether accounting standards applied for the Company have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in financial statement; and
 - Prepare financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue its business.
- The Board of Management confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing the financial statements.
- The Board of Management is responsible for ensuring that all proper accounting records are kept which disclose the Company’s financial position with reasonable accuracy at anytime, and for ensuring that those accounting records comply with the registered accounting system. The Board of Management is also responsible for the safeguarding of the Company’s assets, and hence, for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

Số tham chiếu: 60755033/14128083

Báo Cáo Kiểm Toán Độc Lập

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”), và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh các báo cáo tài chính kèm theo (sau đây được gọi chung là “các báo cáo tài chính”) được trình bày từ trang 04 đến trang 38 Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.


Ernst & Young Vietnam (tr.)
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam


Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0264/KTV

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2010


Nguyễn Phương Nga
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0763/KTV

Reference: 60755033/14128083

Independent Auditor's Report

To: **The Board of Management**
Vietcombank Securities Company Limited

We have audited the balance sheet as at 31 December 2009 of Vietcombank Securities Company Limited ("the Company"), income statement and cash flow statement for the year then ended and notes thereto (collectively referred to as "the financial statements"), as set out from page 4 to 38. These financial statements are the responsibility of the Company's management. Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit.

Basis of Opinion

We conducted our audit in accordance with Vietnamese and International Standards on Auditing applicable in Vietnam. These standards require that we plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free of material misstatement. An audit includes examining, on a test basis, evidence supporting the amounts and disclosures in the financial statements. An audit also includes assessing the accounting principles used and significant estimates made by management, as well as evaluating the overall financial statement presentation. We believe that our audit provides a reasonable basis for our opinion.

Auditors' Opinion

In our opinion, the accompanying financial statements give a true and fair view of the financial position of the Company, in all material aspects, as at 31 December 2009 and its results of operations and cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards and System of Vietnamese Accounting and accounting policies applicable for securities companies stipulated in Decision 95/2008/TT-BTC dated 24 October 2008 by Ministry of Finance and other relevant statutory requirements.

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm trình bày lại
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.669.005.398	1.962.493.061
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	III.1	1.075.714.761	567.351.447
111	1. Tiền		710.714.761	406.248.743
112	2. Các khoản tương đương tiền		365.000.000	161.102.704
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	III.3	5.768.090	1.179.905.217
121	1. Đầu tư ngắn hạn		6.001.063	1.278.994.125
129	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn		(232.973)	(99.088.908)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	III.4	199.255.709	152.473.195
131	1. Phải thu của khách hàng		50.965.225	452.558
132	2. Trả trước cho người bán		490.698	413.010
133	3. Phải thu nội bộ		-	-
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	-
138	5. Các khoản phải thu khác		147.799.786	376.372.504
139	6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(224.764.877)
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		388.266.838	62.763.202
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	III.5	2.477.066	8.009.710
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	III.11	1.818.222	8.437.031
157	4. Giao dịch mua và bán lại trái phiếu Chính phủ	III.6	383.971.550	46.316.461
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-



Ernst & Young Vietnam Ltd.



Vo Tan Hoang Van
Deputy General Director
Registered Auditor
Certificate No. 0264/KTV



Nguyen Phuong Nga
Auditor in charge
Registered Auditor
Certificate No. 0763/KTV

Hanoi, Vietnam
26 March 2010

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm trình bày lại
200	B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN		138.604.337	525.423.328
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		12.228.099	12.045.466
221	1. Tài sản cố định hữu hình	III.7.1	10.995.533	11.784.658
222	Nguyên giá		32.345.247	26.029.602
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.349.714)	(14.244.944)
227	2. Tài sản cố định vô hình	III.7.2	1.232.566	260.808
228	Nguyên giá		2.173.140	582.793
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(940.574)	(321.985)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		111.132.505	499.115.833
253	1. Đầu tư vào chứng khoán dài hạn	III.8.1	113.613.578	123.009.668
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		113.544.355	122.940.445
	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		69.223	69.223
258	2. Đầu tư dài hạn khác	III.8.2	13.440.000	413.440.000
259	3. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	III.8.1	(15.921.073)	(37.333.835)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		15.243.733	14.262.029
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		10.410	4.449.135
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	III.9	12.180.097	8.605.770
268	4. Tài sản dài hạn khác	III.10	3.053.226	1.207.124
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.807.609.735	2.487.916.389

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam				
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm trình bày lại
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.002.096.625	2.007.119.531
310	I. Nợ ngắn hạn		1.001.725.152	2.006.830.323
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2. Phải trả người bán		555.999	319.982
313	3. Người mua trả tiền trước		364.980	11.707.092
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	III.11	320.976	320.869
315	5. Phải trả người lao động		6.267.764	647.834
316	6. Chi phí phải trả		300.000	9.774.843
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	III.12	1.027.249	1.305.192
321	8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	III.13	13.918.775	35.922.554
322	9. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	200
328	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	III.14	978.969.409	1.946.831.757
329	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		371.473	289.208
334	1. Vay và nợ dài hạn		-	-
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		371.473	289.208
339	3. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		-	-
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	III.15	805.513.110	480.796.858
410	I. Vốn chủ sở hữu		805.247.982	480.796.858
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		700.000.000	512.400.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		914.796	17.243.746
414	4. Cổ phiếu quỹ		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		30.762.096	202.033.146
418	8. Các quỹ dự trữ		20.068.892	20.068.892
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế/(Lỗ tích lũy) chưa phân phối		53.502.198	(270.948.926)
430	II. Quỹ khen thưởng phúc lợi		265.128	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.807.609.735	2.487.916.389

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm trình bày lại
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài	-	-
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		
003	3. Tài sản nhận ký cược	-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
005	5. Ngoại tệ các loại	-	-
006	6. Chứng khoán lưu ký		
	Trong đó:		
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	4.523.904.390	3.692.588.620
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	49.546.670	124.129.520
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	3.416.557.910	2.931.582.570
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	1.057.799.810	636.876.530
011	6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	390.948.890	310.658.700
013	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
014	6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	375.153.860	214.408.700
015	6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	15.795.030	96.250.000
016	6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
017	6.3. Chứng khoán cầm cố	-	-
018	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	-	-
019	6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	-	-
020	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
021	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ	-	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	61.666.960	308.676.150
028	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	2.000	272.800
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	61.182.200	280.659.320
030	6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	482.760	27.744.030
031	6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
032	6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm trình bày lại
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	52.251.870	68.642.500
038	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	8.000.000
039	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	51.653.970	60.487.300
040	6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	597.900	155.200
041	6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	-	-
042	6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	-	-
047	6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	-	-
	Trong đó:		
051	7.1. Chứng khoán giao dịch	-	-
052	7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
053	7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	-	-
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	-	-
057	7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
058	7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	-	-
061	7.3. Chứng khoán cầm cố	-	-
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	-	-
072	7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
073	7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	-	-
076	7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
081	7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
	8. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		
	TỔNG CỘNG TÀI KHOẢN NGOẠI BẢNG	5.028.772.110	4.380.565.970

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008 trình bày lại
01	1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán		326.880.256	484.071.215
	Trong đó:			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		117.060.617	86.161.548
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	III.16	170.055.388	350.752.598
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		165.000	1.433.282
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		392.763	-
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		650.909	2.250.540
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.221.392	3.002.765
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		45.000	-
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		-	-
01.9	Doanh thu khác	III.17	37.289.187	40.470.482
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	(200.000)
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		326.880.256	483.871.215
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh		59.520.924	(714.190.642)
	Trong đó:			
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	III.18	(103.815.344)	(365.747.998)
	(Chi phí)/hoàn nhập dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán	III.19	163.336.268	(348.442.644)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		386.401.180	(230.319.427)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	III.20	(55.497.487)	(40.672.986)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		330.903.693	(270.992.413)
31	8. Thu nhập khác		166.240	43.487
32	9. Chi phí khác		-	-
40	10.Lợi nhuận khác		166.240	43.487
50	11.Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế		331.069.933	(270.948.926)
51	12.Chi phí thuế TNDN hiện hành	III.11	(6.618.809)	-
52	13.Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	14.Lợi nhuận/(Lỗ) thuần sau thuế		324.451.124	(270.948.926)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008 trình bày lại
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		331.069.933	(270.948.926)
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao TSCĐ	III.7	7.723.359	5.831.837
03	Các khoản dự phòng		(345.033.574)	348.442.644
05	(Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư		(72.922.330)	(180.663.341)
06	Chi phí lãi vay	III.18	22.721.771	157.984.769
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(56.440.841)	60.646.983
09	(Tăng)/ giảm các khoản phải thu		(200.528.931)	(235.145.297)
10	(Tăng)/ giảm chứng khoán thương mại		1.272.993.063	(16.868.003)
11	Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.001.901.745)	58.835.638
12	(Tăng)/ giảm chi phí trả trước		9.971.370	(10.497.719)
13	Tiền lãi vay đã trả		(32.196.613)	(158.766.725)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(20.976.024)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	7.880.497
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.103.697)	(314.890.650)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(13.326.421)	(10.938.548)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	300.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		120.397.342	171.165.836
28	Tiền đầu tư vào chứng khoán dài hạn		9.396.090	93.624.016
29	Tiền đầu tư vào các hoạt động đầu tư khác		400.000.000	(400.000.000)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		516.467.011	(145.848.696)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	III.15	-	312.400.000
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	III.15	-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	312.400.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		508.363.314	(148.339.346)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		567.351.447	715.690.793
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		1.075.714.761	567.351.447

Balance Sheet as at 31 December 2009

Currency: VND'000

Code	ITEMS	Notes	31 December 2009	31 December 2008 restated
100	A. CURRENT ASSETS		1.669.005.398	1.962.493.061
110	I. Cash and cash equivalents	III.1	1.075.714.761	567.351.447
111	1. Cash		710.714.761	406.248.743
112	2. Cash equivalents		365.000.000	161.102.704
120	II. Short-term financial investments	III.3	5.768.090	1.179.905.217
121	1. Short-term investments		6.001.063	1.278.994.125
129	2. Provision for impairment of short-term investments		(232.973)	(99.088.908)
130	III. Receivables	III.4	199.255.709	152.473.195
131	1. Receivables from customers		50.965.225	452.558
132	2. Advances to suppliers		490.698	413.010
133	3. Internal receivables		-	-
135	4. Receivables from securities trading activities		-	-
138	5. Other receivables		147.799.786	376.372.504
139	6. Provision for doubtful debt		-	(224.764.877)
140	IV. Materials, inventory		-	-
150	V. Other current assets		388.266.838	62.763.202
151	1. Short-term prepaid expenses	III.5	2.477.066	8.009.710
152	2. Deductible VAT		-	-
154	3. Taxes and other receivables from the State	III.11	1.818.222	8.437.031
157	4. Reverse repo of government bond	III.6	383.971.550	46.316.461
158	5. Other current assets		-	-

Balance sheet as at 31 december 2009 (next)

Currency: VND'000

Code	ITEMS	Notes	31 December 2009	31 December 2008 restated
200	B. NON-CURRENT ASSETS		138.604.337	525.423.328
210	I. Long-term receivables		-	-
220	II. Fixed assets		12.228.099	12.045.466
221	1. Tangible fixed assets	III.7.1	10.995.533	11.784.658
222	Cost		32.345.247	26.029.602
223	Accumulated depreciation		(21.349.714)	(14.244.944)
227	2. Intangible fixed assets	III.7.2	1.232.566	260.808
228	Cost		2.173.140	582.793
229	Accumulated amortization		(940.574)	(321.985)
250	III. Long-term financial investments		111.132.505	499.115.833
253	1. Long-term securities investments	III.8.1	113.613.578	123.009.668
254	Available-for-sale securities		113.544.355	122.940.445
	Held-to-maturity securities		69.223	69.223
258	2. Other long-term investments	III.8.2	13.440.000	413.440.000
259	3. Provision for impairment of long-term investments	III.8.1	(15.921.073)	(37.333.835)
260	IV. Other long-term assets		15.243.733	14.262.029
261	1. Long-term prepaid expenses		10.410	4.449.135
262	2. Deferred tax assets		-	-
263	3. Advance to Settlement Assistance Fund	III.9	12.180.097	8.605.770
268	4. Other long-term assets	III.10	3.053.226	1.207.124
270	TOTAL ASSETS		1.807.609.735	2.487.916.389

Balance sheet as at 31 december 2009 (next)

Currency: VND'000				
Code	EQUITY	Notes	31 December 2009	31 December 2008 restated
300	A. LIABILITIES		1.002.096.625	2.007.119.531
310	I. Current liabilities		1.001.725.152	2.006.830.323
311	1. Short-term loan		-	-
312	2. Payables to suppliers		555.999	319.982
313	3. Advances from customers		364.980	11.707.092
314	4. Taxes and other payables to the State	III.11	320.976	320.869
315	5. Payables to employees		6.267.764	647.834
316	6. Accrued expenses		300.000	9.774.843
320	7. Payables of securities trading activities	III.12	1.027.249	1.305.192
321	8. Dividend, principal and interest payables	III.13	13.918.775	35.922.554
322	9. Payables to securities issuers		-	200
328	10. Other payables	III.14	978.969.409	1.946.831.757
329	11. Provision for current liabilities		-	-
330	II. Non-current liabilities		371.473	289.208
334	1. Long-term loans		-	-
336	2. Provision for termination allowance		371.473	289.208
339	3. Provision for professional indemnity		-	-
400	B. EQUITY	III.15	805.513.110	480.796.858
410	I. Owners' equity		805.247.982	480.796.858
411	1. Charter capital		700.000.000	512.400.000
412	2. Capital surplus		-	-
413	3. Other capital		914.796	17.243.746
414	4. Treasury shares		-	-
415	5. Asset revaluation reserve		-	-
416	6. Foreign currency revaluation reserve		-	-
417	7. Investment and development fund		30.762.096	202.033.146
418	8. Other reserves		20.068.892	20.068.892
419	9. Other funds		-	-
420	10. Retain earnings		53.502.198	(270.948.926)
430	II. Bonus and welfare fund		265.128	-
440	TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY		1.807.609.735	2.487.916.389

Off balance sheet items

Currency: VND'000			
Code	ITEMS	31 December 2009	31 December 2008 restated
001	1. Leased fixed assets	-	-
002	2. Custody materials and valuable papers		
003	3. Security assets	-	-
004	4. Bad debts written off	-	-
005	5. Foreign currency	-	-
006	6. Custody securities		
	In which:		
007	6.1. Trading securities	4.523.904.390	3.692.588.620
008	6.1.1. Tradable securities of custody members	49.546.670	124.129.520
009	6.1.2. Tradable securities of local investors	3.416.557.910	2.931.582.570
010	6.1.3. Tradable securities of foreign investors	1.057.799.810	636.876.530
011	6.1.4. Tradable securities of other organizations	-	-
012	6.2. Temporarily untradeable securities	390.948.890	310.658.700
013	6.2.1. Temporarily untradeable securities of custody members	-	-
014	6.2.2. Temporarily untradeable securities of local investors	375.153.860	214.408.700
015	6.2.3. Temporarily untradeable securities of foreign investors	15.795.030	96.250.000
016	6.2.4. Temporarily untradeable securities of other organizations	-	-
017	6.3. Mortgaged	-	-
018	6.3.1. Mortgaged securities of custody members	-	-
019	6.3.2. Mortgaged securities of local investors	-	-
020	6.3.1. Mortgaged securities of foreign investors	-	-
021	6.3.1. Mortgaged securities of other organizations	-	-
022	6.4. Temporarily withhold securities	-	-
027	6.5. Securities awaiting for settlement	61.666.960	308.676.150
028	6.5.1. Securities awaiting for settlement of custody members	2.000	272.800
029	6.5.2. Securities awaiting for settlement of local investors	61.182.200	280.659.320
030	6.5.3. Securities awaiting for settlement of foreign investors	482.760	27.744.030
031	6.5.4. Securities awaiting for settlement of other organizations	-	-
032	6.6. Frozen securities	-	-

Off balance sheet items (next)

Currency: VND'000

Mã số	ITEMS	31 December 2009	31 December 2008 restated
037	6.7. Securities awaiting for trading	52.251.870	68.642.500
038	6.7.1. Securities awaiting for trading of custody members	-	8.000.000
039	6.7.2. Securities awaiting for trading of local investors	51.653.970	60.487.300
040	6.7.3. Securities awaiting for trading of foreign investors	597.900	155.200
041	6.7.4. Securities awaiting for trading of other organizations	-	-
042	6.8. Deposited securities guaranteed for loans	-	-
050	7. Custody securities of unlisted public company	-	-
	In which:		
051	7.1. Trading securities	-	-
052	7.1.1. Tradable securities of custody members	-	-
053	7.1.2. Tradable securities of local investors	-	-
056	7.2. Temporarily untradeable securities	-	-
057	7.2.1. Temporarily untradeable securities of custody members	-	-
058	7.2.2. Temporarily untradeable securities of local investors	-	-
061	7.3. Mortgaged securities	-	-
071	7.5. Securities awaiting for settlement	-	-
072	7.5.1. Securities awaiting for settlement of custody members	-	-
073	7.5.2. Securities awaiting for settlement of local investors	-	-
076	7.6. Frozen securities	-	-
	8. Un-custody securities		
	TOTAL OFF-BALANCE SHEET ITEMS	5.028.772.110	4.380.565.970

Income statement

Currency: VND'000

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year restated
01	1. Revenue from securities trading		326.880.256	484.071.215
	In which:			
01.1	Revenue from brokerage services		117.060.617	86.161.548
01.2	Revenue from securities trading and investments	III.16	170.055.388	350.752.598
01.3	Revenue from securities underwriting services		165.000	1.433.282
01.4	Revenue securities issuance agency services		392.763	-
01.5	Revenue advisory services		650.909	2.250.540
01.6	Revenue from securities custody services		1.221.392	3.002.765
01.7	Revenue from entrusted auction services		45.000	-
01.8	Revenue from property lease		-	-
01.9	Other revenue	III.17	37.289.187	40.470.482
02	2. Deductions		-	(200.000)
10	3. Net revenue		326.880.256	483.871.215
11	4. Operating expenses		59.520.924	(714.190.642)
	In which:			
	Direct operating expense	III.18	(103.815.344)	(365.747.998)
	Securities provision (expense)/reversal	III.19	163.336.268	(348.442.644)
20	5. Gross profit		386.401.180	(230.319.427)
25	6. General and administrative expenses	III.20	(55.497.487)	(40.672.986)
30	7. Net profit from operating activities		330.903.693	(270.992.413)
31	8. Other income		166.240	43.487
32	9. Other expenses		-	-
40	10. Other profit		166.240	43.487
50	11. Profit/(loss) before tax		331.069.933	(270.948.926)
51	12. Current enterprise income tax	III.11	(6.618.809)	-
52	13. Deferred enterprise income tax		-	-
60	14. Profit after tax		324.451.124	(270.948.926)

Cash flow statement

Currency: VND’000

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year restated
	I. CASH FLOW FROM OPERATING ACTIVITIES			
1	Profit before tax		331.069.933	(270.948.926)
	Adjustment for:			
02	Depreciation of fixed assets	III.7	7.723.359	5.831.837
03	Provisions		(345.033.574)	348.442.644
05	Gain/(loss) from investment activities		(72.922.330)	(180.663.341)
06	Interest expenses	III.18	22.721.771	157.984.769
08	Operating income before changes in working capital		(56.440.841)	60.646.983
09	(Increase)/decrease in receivables		(200.528.931)	(235.145.297)
10	(Increase)/decrease in trading securities		1.272.993.063	(16.868.003)
11	Increase/(decrease) in payables (excluding interest and income tax payable)		(1.001.901.745)	58.835.638
12	(Increase)/decrease in prepaid expenses		9.971.370	(10.497.719)
13	Interest paid		(32.196.613)	(158.766.725)
14	Enterprise income tax paid		-	(20.976.024)
15	Other payments for operating activities		-	7.880.497
20	Net cash flow from/(used in) operating activities		(8.103.697)	(314.890.650)
	II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
21	Purchases of fixed assets		(13.326.421)	(10.938.548)
22	Receipts from fixed asset and other non- current asset disposal		-	-
25	Payments for investments in associates		-	-
26	Collections from investments in associates		-	300.000
27	Investment income received		120.397.342	171.165.836
28	Investment in long-term securities		9.396.090	93.624.016
29	Investment in other activities		400.000.000	(400.000.000)
30	Net cash flow from/(used in) investing activities		516.467.011	(145.848.696)
	III. CASH FLOW FROM FINANCIAL ACTIVITIES			
31	Proceeds from share issuance, capital contribution	III.15	-	312.400.000
33	Proceeds from loans		-	-
34	Loan repayments		-	-
36	Dividend and profit paid to shareholders	III.15	-	-
40	Net cash flow from financial activities		-	312.400.000
50	Net increase in cash and cash equivalents duringthe year		508.363.314	(148.339.346)
60	Cash and cash equivalents at the beginning of the year		567.351.447	715.690.793
70	Cash and cash equivalents at the end of the year		1.075.714.761	567.351.447

Mạng lưới hoạt động/ Network

Trụ sở chính / Headquarter:
Tầng 17, Vietcombank Tower, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Floor 17th, Vietcombank Tower, 198 Tran Quang Khai Street, Hoan Kiem District, Hanoi
Tel: 84-4-39366426 Fax: 84-4-39360262

Tầng 12, Vietcombank Tower, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Floor 12th, Vietcombank Tower, 198 Tran Quang Khai Street, Hoan Kiem District, Hanoi
Tel: 84-4-39366990 Fax: 84-4-39360262

Chi nhánh Hồ Chí Minh / Hochiminh City Branch:
Lầu 1, toà nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, P6, Q3, TPHCM
Floor 1, Green Star Building, 70 Pham Ngoc Thach, Ward 6, District 3, Hochiminh City
Tel: 84-8-38208116 Fax: 84-8-38208117

Lầu 6, toà nhà Khánh Nguyên, số 63 Phạm Ngọc Thạch, P6, Q3, TPHCM
Floor 6, Khanh Nguyen Building, 63 Pham Ngoc Thach, Ward 6, District 3, Hochiminh City
Tel: 84-8-38200799 Fax: 84-8-38200770

Chi nhánh Đà Nẵng / Danang Branch:
Tầng 2, toà nhà TCT Du lịch Hà Nội, số 10 đường Hải Phòng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Floor 2, 10 Hai Phong Street, Hai Chau District, Da Nang City
Tel: 84-511-3888991 Fax: 84-511-3888881

Phòng giao dịch PGD Cầu Giấy / Caugiay Sub-Branch:
Tầng 1- Toà nhà CTM-299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Floor 1- CTM Building -299 Cau Giay, Cau Giay District, Hanoi
Tel: 84-4-22201599 Fax: 84-4-22201419

Phòng giao dịch Nguyễn Huệ / Nguyen Hue Sub-Branch:
Lầu 4, Trung tâm dịch vụ văn phòng giao dịch nước ngoài (OSIC), số 8 Nguyễn Huệ, Q1, TP HCM
Floor 4, 8 Nguyen Hue, Dist. 1, HCM City
Tel: 84-8-38292866 Fax: 84-8-38293062

Đại lý nhận lệnh Cần Thơ / Cantho Agent Office:
Số 7 Đại lộ Hoà Bình, Thành phố Cần Thơ
No. 7, Hoa Binh Avenue, Can Tho City
Tel: 84-71-3820445 Fax: 84-71-3820694

Đại lý nhận lệnh Đồng Nai / Dongnai Agent Office:
77C Hưng Đạo Vương, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
77C Hung Dao Vuong, Bien Hoa City, Dong Nai Province
Tel: 84-61-3948313 Fax: 84-613-3940312

Đại lý nhận lệnh Bình Dương / Binhduong Agent Office:
72 Phường Phú Hoà, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
72 Phuong Phu Hoa, Thu Dau Mot, Binh Duong Province
Tel: 84-650-3831227 Fax: 84-650-3838674

Đại lý nhận lệnh An Giang / An Giang Agent Office:
Số 1 Đường Hùng Vương, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang
No. 1, Hung Vuong Street, Long Xuyen City, An Giang Province
Tel: 84-76-3841803 Fax: 84-76-3841591

Đại lý nhận lệnh Vũng Tàu / Vung Tau Agent Office:
27 Trần Hưng Đạo, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
27 Tran Hung Dao, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province
Tel: 84-64-3858697 Fax: 84-64-3512649

Đại lý nhận lệnh Phú Mỹ Hưng / Phu My Hung Agent Office:
Toà nhà Lawrence Sting, 801 Nguyễn Lương Bằng, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng, Quận 7, TPHCM
Lawrence Sting Building, 801 Nguyen Luong Bang, Phu My Hung Urban Zone, District No. 7, Ho Chi minh City
Tel: 84-8-54160074 Fax: 84-8-54135127

Đại lý nhận lệnh Hải Dương / Hai Duong Agent Office:
66 Nguyễn Lương Bằng, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
66 Nguyen Luong Bang, Hai Duong City, Hai Duong Province
Tel: 84-320-3896424 Fax: 84-320-3894255

VIETCOMBANK SECURITIES

Floor 12th and 17th, Vietcombank Tower, 198 Tran Quang Khai Street, Hoan Kiem District, Hanoi

Tel: 84-4-9366426/ 9366990 • Fax: 84-4-9360262

Email: headquarter@vcbs.com.vn

Website: www.vcbs.com.vn • info.vcbs.com.vn • trading.vcbs.com.vn